

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 44 /2024/DS-ST

Ngày 12/07/2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên.

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Huệ;

[2]. Ông Trần Ngọc Thiện;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 và 12 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/ DS- ST ngày 03 tháng 04 năm 2024, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số: 56/2024/QĐST-DS, ngày 14 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Lê Th H; sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**Người Đại diện của nguyên đơn theo uỷ quyền:**

Phan Nh N , sinh năm 1991 ( có mặt ).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

**Bị đơn:** Võ M Ph, sinh năm 1978 ( có mặt ).

Nguyễn Th Ng, sinh năm 1982 ( có mặt ).

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/01/2024 Nguyên đơn có cho vợ chồng ông Võ M Ph và bà Nguyễn Th Ng vay số tiền 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay 10 ngày, mục đích vay đảo hạn Ngân hàng. Lãi suất 0,2%/ngày ( 6%/ 1 tháng ).

Tuy nhiên đến hạn trả nợ tôi đã đòi nhiều lần nhưng ông Phi và bà Nga cứ khất hết lần này đến lần khác không trả. Về tiền lãi suất, ông bà đã chuyển trả cho tôi được tổng cộng số tiền lãi là 45.000.000 đồng.

Nhận thấy việc vợ chồng ông Phi và bà Nga sau khi vay tiền của tôi nhưng đến hạn trả nợ lại không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Do vậy, nay tôi khởi kiện vợ chồng ông Võ M Ph và bà Nguyễn Th Ng ra Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc vợ chồng ông Võ M Ph và bà Nguyễn Th Ng phải trả cho tôi số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), kèm theo lãi suất chậm trả là  $1.000.000.000 \text{ đ} \times 6\%/tháng \times 3 \text{ tháng}$  (tạm tính đến ngày 16/04/2024) = 180.000.000 đ – 45.000.000 đ đã trả trước. Còn lại 135.000.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.135.000.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung tính lãi, yêu cầu trả lãi suất 0,83%/1 tháng kể từ ngày 09/2/2024.

Bị đơn trình bày: Bị đơn có vay số tiền của chị Lê Th H 1 tỉ đồng là đúng, ký nhận trong giấy vay ngày 16/1/2024 là đúng.

Tuy nhiên sau đó đã trả 350 triệu đồng tiền gốc và 102 triệu đồng tiền lãi, việc trả tiền gốc và tiền lãi 37 triệu đồng tại nhà tôi, ( quán cà phê nhà tôi ) giao bằng tiền mặt vào ngày 12/3/2024, khi trả không làm giấy tờ biên nhận, chúng tôi thoả thuận trả xong thì chị Hương có nghĩa vụ về ghi vào sổ và chụp hình gửi cho tôi nhưng chị Hương không làm. bị đơn có lưu tin nhắn qua điện thoại, còn các lần trả tiền lãi khác là lần đưa tiền mặt 20.000.000đ không làm giấy tờ biên nhận, lần đưa tiền mặt 37 triệu đồng cũng không làm giấy tờ biên nhận, còn lại 2 lần chuyển khoản qua ngân hàng HD tài khoản của chị Hương là 45.000.000đ, Tổng số tiền lãi 102 triệu đồng đã trả nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

- [1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
- [2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản ".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- [3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn xét thấy.

Số tiền vay 1 tỉ đồng vào ngày 16/01/2024 bị đơn thừa nhận là đúng nhưng bị đơn cho rằng đã trả được 350.000.000đ tiền gốc, không làm giấy tờ biên nhận.

Bị đơn cho rằng chúng tôi thoả thuận trả xong thì chị Hương có nghĩa vụ về ghi vào sổ và chụp hình gửi cho tôi nhưng chị Hương không làm.

Nguyên đơn không thừa nhận thoả thuận trên.

Tài liệu chứng cứ bị đơn đưa ra là có gửi tin nhắn qua điện thoại, ứng dụng iMessage, bị đơn nói với nguyên đơn có nội dung trích dẫn như sau: ( ... Nếu em muốn lừa chị thì em đâu có cố gắng gửi chị 350t gốc với lãi là 102 triệu đâu chị ).

Nguyên đơn không thừa nhận vấn đề trên, cho rằng chỉ là ký kiến của một bên, sau khi bên bị đơn nói thế thì bên nguyên đơn có nhắn lại nội dung: giấy tờ có, giấy tờ còn hết,đâu muốn nói bao nhiêu là nói em.

Như vậy chứng tỏ chị Hương không thừa nhận số tiền gốc và lãi mà bị đơn đã trả như trên, chị Hương không thừa nhận việc chị Hương có nghĩa vụ về ghi vào sổ nợ của chị Hương rồi chụp gửi tin nhắn cho bên bị đơn. Việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn có làm giấy biên nhận nhưng khi trả số tiền 350 triệu tiền gốc và tiền lãi là 102 triệu nhưng lại không làm giấy tờ biên nhận là vô lý, việc trả tiền lãi qua ngân hàng số tiền 45.000.000đ theo nguyên đơn là có giấy tờ, vì vậy bị đơn trình bày chỉ là ý kiến của một bên không có căn cứ thuyết phục để chấp nhận.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Võ M Ph, chị Nguyễn Th Ng phải liên đới trả cho nguyên đơn chị Lê Th H số tiền gốc 1 tỉ đồng .

Về tiền lãi, các bên có thoả thuận về lãi suất 2.000.000đ/ 1 ngày, quá trình vay bị đơn đã trả được 45.000.000đ là các bên đã tính đến ngày 08/02/2024.

Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi, mức lãi 0,83%/ 1 tháng kể từ ngày 09/02/2024 mức lãi phù hợp quy định pháp luật, cần chấp nhận và tính như sau: từ ngày 09/02/2024 đến ngày 12/07/2024 là 5 tháng 3 ngày :

$1.000.000.000đ \times 0,83\% / 1 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 42.330.000đ.$

Tổng cộng bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền 1.042.330.000đ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn anh Võ M Ph, chị Nguyễn Th Ng phải liên đới nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 1.042.330.000đ nên số tiền án phí là 43.269.900đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.025.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009106 ngày 03/04/2024.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Võ M Ph, chị Nguyễn Th Ng phải liên đới trả cho nguyên đơn chị Lê Th H số tiền vay gốc 1.000.000.000đ, tiền lãi 42.330.000đ. Tổng cộng 1.042.330.000đ. ( một tỉ, bốn mươi hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn anh Võ M Ph, chị Nguyễn Th Ng liên đới nộp tiền án phí DSST là 43.269.900đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Lê Th H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.025.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009106 ngày 03/04/2024.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyên**